

Bản án số: 31/2023/HS-ST

Ngày 20-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Quốc Khôi,

Ông Đàm Đình Lập.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Hoàng Duy Phong, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:** Bà Mã Thị Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 03 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày 03 tháng 4 năm 1987 tại huyện M, thành phố Hà Nội.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Tổ 7, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng A; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963 và bà Phùng Thị P, sinh năm 1968; vợ: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989; con: 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/4/2022, đến ngày 30/6/2022 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay; có mặt.

2. Họ và tên: **Lý Thị M**; giới tính: Nữ, tên gọi khác: Không; sinh ngày 14 tháng 6 năm 1989 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 7, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Phó giám đốc kiêm kế toán Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng A; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Lý Văn T (đã chết) và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1964; chồng: Hoàng Văn T, sinh năm 1986; con: 02 con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/4/2022, đến ngày 30/6/2022 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay; có mặt.

3. Họ và tên: **Lưu Văn Q**; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày 02 tháng 11 năm 1987 tại huyện M, thành phố Hà Nội.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 15, thôn 3, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Tổ 7, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng B; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Lưu Văn K, sinh năm 1958 và bà Lê Thị E, sinh năm 1958; vợ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1988; con: 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Lưu Văn T, sinh năm 1967; Trú tại: Tổ 7, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bế Ngọc Huy, sinh năm 1985; Trú tại: Xóm B, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Quan Thanh T, sinh năm 1986; Trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Nguyễn Kiến C, sinh năm 1987; Trú tại: Thôn 3, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện công tác phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng và Chi cục thuế huyện B, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác phát hiện Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng A, Mã số thuế 4800900xxx do Nguyễn Văn H (sinh năm 1987; trú tại thôn 2, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội, nơi ở tại tổ 7, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng) là Giám đốc và Lý Thị M (sinh năm 1989, trú tại xóm Nà Phạ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng) là Phó Giám đốc kiêm kế toán có hành vi lập khống hồ sơ thuê người lao động để hạch toán trốn thuế. Ngoài ra Lý Thị M còn làm kế toán cho Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng B do

Lưu Văn Q (sinh năm 1987, trú tại thôn 3, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi ở tại tổ 7, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng) làm Giám đốc, cũng đã thực hiện hành vi trốn thuế tương tự như tại Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng A. Ngày 13/4/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đã thi hành lệnh bắt, khám xét chỗ ở, nơi làm việc của Nguyễn Văn H; Lý Thị M; kết quả đã tạm giữ tang vật là dầu tròn và nhiều giấy tờ, tài liệu liên quan khác.

Ngày 30/7/2021 và 29/4/2022 và 03/8/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng ra Quyết định trưng cầu giám định số 106; 53; 98 yêu cầu giám định thiệt hại về thuế đối với hành vi lập khống bảng lương cho người lao động để hạch toán khống vào chi phí được trừ để giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và hành vi sử dụng các hoá đơn xăng dầu khống để kê khai quyết toán thuế. Tại bản kết luận giám định ngày 29/11/2021; ngày 18/5/2022; ngày 18 và 31/8/2022 kết luận: "Số thuế TNDN phải nộp tăng thêm qua giám định của Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng A là 1.191.410.143 đồng; số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng thêm qua giám định của Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng B là 975.760.302 đồng, số tiền thuế GTGT và số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng thêm qua giám định của Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng A là 142.116.481 đồng; số tiền thuế GTGT và số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng thêm qua giám định của Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng B là 159.561.866 đồng".

Qua điều tra Nguyễn Văn H, Lý Thị M, Lưu Văn Q đã khai nhận hành vi phạm tội như sau: Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng A được thành lập từ năm 2017 có mã số thuế 4800900871, số vốn điều lệ là 1.900.000.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, do Nguyễn Văn H là Giám đốc và Lý Thị M là Phó Giám đốc kiêm kế toán và Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng B thành lập từ năm 2013, có mã số thuế 4800864630, vốn điều lệ là 1.900.000.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, xây dựng công trình.... do Lưu Văn Q làm Giám đốc, Lý Thị M làm kế toán. Trong quá trình hoạt động hai Công ty này có nhiều khoản chi phí không có chứng từ quyết toán, H và Q đã chỉ đạo M thu thập chứng từ để bù vào các chi phí khác, nên M đã thu thập thông tin chứng minh thư nhân dân, căn cước công dân tại các Cửa hàng photo copy trên địa bàn thị trấn B, huyện B để kê khống nhân công lao động, với mục đích để giảm số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp. Theo kết luận giám định thì hành vi lập khống bảng lương cho người lao động để hạch toán khống vào chi phí được trừ để giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng A phải nộp tăng thêm là 1.191.410.143 đồng; còn của Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng B phải nộp tăng thêm là 975.760.302 đồng. Ngoài ra Lý Thị M còn đến Công ty TNHH một thành viên C Cao Bằng, trụ sở tại tổ 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng, do Quan Thanh T là Giám đốc, để đặt vấn đề ghi khống hoá đơn xăng dầu (trên thực tế không có xăng dầu bán ra như ghi trên hoá đơn) với mục đích là để đưa vào kê khai chi phí hoạt động của hai Công ty và để hưởng khấu trừ thuế (nhưng M không nói cho T biết mục đích của M). Đối với các hoá đơn xăng T không lấy tiền phân trăm. Đối với các hoá đơn dầu M phải trả cho T

05% số tiền hàng ghi trên mỗi hoá đơn. Nên từ năm 2017 đến năm 2020 M đã mua cho Công ty Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng A 30 hóa đơn GTGT; Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng B 30 hóa đơn GTGT. Qua kết luận giám định đối với hành vi sử dụng hóa đơn xăng, dầu không để kê khai quyết toán thuế của Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng A, số tiền thuế GTGT và số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng thêm là 142.116.481 đồng; Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng B là 159.561.866 đồng; Dẫn đến tổng thiệt hại về thuế đối với Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng A và Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng B là 2.468.848.792 đồng. Trong đó Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng A là 1.333.526.624 đồng và Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng B là 1.135.322.168 đồng. Kết quả điều tra, Nguyễn Văn H; Lý Thị M; Lưu Văn Q đã nộp lại tổng số tiền 2.480.000.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh Cao Bằng để khắc phục hậu quả.

Về hồ sơ báo cáo thuế, do Lý Thị M không có kiến thức chuyên môn về kế toán doanh nghiệp, nên H và Q đã thuê Nguyễn Kiến Y (sinh năm 1987, trú tại thôn 3, T, M, thành phố Hà Nội) để làm giúp các sổ sách kế toán sau đó mới chuyển lại cho M kiểm tra ký và dùng để quyết toán. Các thông tin người lao động, các khoản chi phí đầu vào và doanh thu đầu ra đều được Công ty gửi cho Y qua đường Bưu điện hoặc H và Q trực tiếp cầm về đưa cho Y tại Hà Nội, bản thân Y không biết các chứng từ lập không đưa cho Y để thực hiện kê khai là nhằm mục đích Trốn thuế.

Đối với hành vi xuất hoá đơn không của Quan Thanh T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can Quan Thanh T về hành vi “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Hình sự, để điều tra xử lý riêng bằng một vụ án khác. Ngoài ra Công ty Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng A và Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng B xuất không hóa đơn cho Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện B, do Hoàng Thị Xuyên là Giám đốc, hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra đang điều tra mở rộng vụ án.

Tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Văn H, Lý Thị M và Lưu Văn Q khai nhận hành vi phạm tội và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo về tội “Trốn thuế” là đúng với hành vi các bị cáo đã thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Bé Ngọc Huy, Lưu Văn Tuấn có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 85/CT-VKSCB-P1 ngày 27-10-2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Nguyễn Văn H; Lý Thị M; Lưu Văn Q về tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Đề nghị tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H; Lý Thị M; Lưu Văn Q phạm tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Lưu Văn Q.

Đề nghị xử phạt hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn H từ 550 triệu đến 600 triệu đồng; xử phạt bị cáo Lưu Văn Q từ 550 triệu đến 600 triệu đồng

Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Thị M, đề nghị xử phạt bị cáo Lý Thị M hình phạt chính là phạt tiền mức phạt từ 500 đến 550 triệu.

Ngày 15/3/2023 các bị cáo đã nộp, mỗi bị cáo là 350.000.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Nên cần được đối trừ cho các bị số tiền đã nộp.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu khoản tiền đối với công ty A là 1.333.526.624 đồng. Trong quá trình điều tra bị cáo H và M đã nộp tổng số tiền 1.430.000.000 đồng. Trừ đi số tiền trốn thuế, nay trả lại cho bị cáo H 58.236.688 đồng, trả lại cho bị cáo M 38.236.688 đồng.

Truy thu số tiền đối với công ty B là 1.135.322.168 đồng. Trong quá trình điều tra bị cáo Q nộp số tiền trốn thuế thu nhập Doanh nghiệp năm 2020 tại Chi cục thuế B là 335.208.486 đồng và nộp tại cơ quan điều tra là 1.050.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo nộp là 1.385.208.486 đồng nay trừ đi số tiền trốn thuế, số tiền còn lại là 249.886.318 đồng cần được trả lại cho bị cáo.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H dấu pháp nhân công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng A, 01 dấu chữ ký, 01 dấu tên, 04 USB.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đều nhất trí với nội dung bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng và không có ý kiến tranh luận.

Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào

có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với bản tự khai, biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung có sự tham gia của Kiểm sát viên; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ kết luận: Nguyễn Văn H là Giám đốc Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng A; Lưu Văn Q làm Giám đốc Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng B; Lý Thị M làm kế toán cho hai Công ty trên. Ngành nghề kinh doanh của hai Công ty là: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Trong quá trình hoạt động H và Q đã chỉ đạo M lập chứng từ hạch toán không chi phí đối với người lao động. Đối với Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng A số tiền trốn thuế là: 1.191.410.143 đồng; Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng B số tiền trốn thuế là 975.760.302 đồng. Ngoài ra hai Công ty này còn sử dụng hóa đơn xăng, dầu không của Công ty Thanh T để kê khai quyết toán thuế của Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng A, với số tiền là 142.116.481 đồng; Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng B với số tiền trốn thuế là 159.561.866 đồng.

Hành vi lập chứng từ hạch toán không chi phí đối với người lao động và hóa đơn xăng dầu của các bị cáo Nguyễn Văn H, Lý Thị M, Lưu Văn Q đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý thuế của Nhà nước làm giảm thu ngân sách Nhà nước, xâm hại đến đường lối phát triển kinh tế xã hội, chính sách thuế; gây mất trật tự xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ phạm tội là nhằm mục đích trốn thuế. Hành vi trốn thuế của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Trốn thuế*” thuộc trường hợp “*Trốn thuế với số tiền 1.000.000.000 đồng trở lên*” quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội “*Trốn thuế*” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

Xét vai trò của bị cáo H và bị cáo Q là giám đốc công ty, đã chỉ đạo M thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo H và Q phải chịu trách nhiệm ngang nhau.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Trước khi phạm tội, các bị cáo Nguyễn Văn H, Lý Thị M, Lưu Văn Q đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Lý Thị M phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Lưu Văn Q không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi vi phạm của bản thân, đã chủ động khắc phục thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm đối với vụ án Mua bán hóa đơn cơ quan điều tra đã xử lý, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo đang chăm sóc con là người khuyết tật nặng nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do đó cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Do các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 5 Điều 353 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm; có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo đã khắc phục hậu quả nên không áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Truy thu khoản tiền đối với công ty A là 1.333.526.624 đồng. Trong quá trình điều tra bị cáo H và M đã nộp tổng số tiền 1.430.000.000 đồng. Trừ đi số tiền trốn thuế, nay trả lại cho bị cáo H 58.236.688 đồng, trả lại cho bị cáo M 38.236.688 đồng.

Truy thu số tiền đối với công ty B là 1.135.322.168 đồng. Trong quá trình điều tra bị cáo Q nộp số tiền trốn thuế thu nhập Doanh nghiệp năm 2020 tại Chi cục thuế B là 335.208.486 đồng và nộp tại cơ quan điều tra là 1.050.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo nộp là 1.385.208.486 đồng nay trừ đi số tiền trốn thuế, số tiền còn lại là 249.886.318 đồng cần được trả lại cho bị cáo Q.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước:

- 01 điện thoại sam sung của Nguyễn Văn H;
- 01 điện thoại iPhone của Nguyễn Thị M;
- 01 case máy tính.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H: Dấu pháp nhân công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng A, 01 dấu chữ ký, 01 dấu tên, 04 USB.

Đối với tài sản thu giữ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được trả lại trong giai đoạn điều tra, nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Lý Thị M, Lưu Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Văn H, Lý Thị M, Lưu Văn Q** phạm tội “Trốn thuế”.

Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Lưu Văn Q.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H: 550.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn Q: 550.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Thị M, xử phạt bị cáo Lý Thị M: 500.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Xác nhận ngày 15/3/2023 bị cáo Nguyễn Văn H, Lưu Văn Q, Lý Thị M mỗi bị cáo đã nộp 350.000.000đ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Nên cần được đối trừ cho các bị số tiền đã nộp.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584; 585; 587 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Truy thu khoản tiền đối với Công ty A là 1.333.526.624 đồng nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận trong quá trình điều tra bị cáo H và M đã nộp tổng số tiền 1.430.000.000 đồng. Nay trả lại cho bị cáo H 58.236.688 đồng, trả lại cho bị cáo M 38.236.688 đồng. Nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Truy thu số tiền đối với Công ty B là 1.135.322.168 đồng nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận trong quá trình điều tra bị cáo Q nộp là 1.385.208.486 đồng. Trả số tiền còn lại là 249.886.318 đồng cho bị cáo Q. Nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước:

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi “Điện thoại của Nguyễn Văn H”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong.

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi “Điện thoại của Lý Thị M”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong.

- 01 (một) case máy tính được niêm phong theo quy định trong 01 (một) tH cát tông. Xung quanh hộp có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Cao Bằng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H:

- 01 (một) dấu pháp nhân Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng A.
- 01 (một) dấu chữ ký.
- 01 (một) dấu tên Nguyễn Văn H.
- 04 (bốn) USB.

(Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số 13 ngày 01/11/2022).

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn H, Lý Thị M, Lưu Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Lý Thị M, Lưu Văn Q có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lưu Văn T, Bé Ngọc H có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan điều tra;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh CB;
- Các bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như